BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN VIỆT Á

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Á trân trọng đệ trình báo cáo này cùng với các Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

1. Thông tin chung về Ngân hàng:

Thành lập:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Á ("Ngân hàng") được thành lập và đăng ký hoạt động tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Ngân hàng được chuyển đổi trên cơ sở hợp nhất giữa Công ty Tài chính Cổ phần Sài Gòn và Ngân hàng Thương mại cổ phần Nông thôn Đà Nẵng theo Quyết định số 440/QĐ-NHNN ngày 9 tháng 5 năm 2003 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ("NHNNVN"). Ngân hàng hoạt động theo Giấy phép hoạt động số 12/NH-GP ngày 9 tháng 5 năm 2003 do NHNNVN cấp, Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0302963695 ngày 19 tháng 6 năm 2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và giấy chứng nhận điều chỉnh gần nhất lần thứ 25 ngày 07 tháng 11 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp. Giấy phép hoạt động của Ngân hàng có giá trị 99 năm kể từ ngày cấp.

Hoạt động chính của Ngân Hàng:

- Huy động vốn ngắn, trung và dài hạn dưới các hình thức tiền gửi không kỳ hạn, có kỳ hạn, kỳ phiếu, trái phiếu và các giấy tờ có giá theo sự chấp thuận của NHNNVN;
- Nhận các nguồn vốn ủy thác đầu tư;
- Nhận vốn từ các tổ chức tín dụng trong và ngoài nước;
- Cho vay ngắn, trung và dài hạn các tổ chức kinh tế và cá nhân;
- Chiết khấu các hối phiếu thương mại, trái phiếu và các giấy tờ có giá;
- Góp vốn mua cổ phần theo tỷ lệ cho phép và tham gia liên doanh;
- Cung cấp các dịch vụ thanh toán cho khách hàng;
- Thực hiện trao đổi kinh doanh ngoại tệ và vàng;
- Thực hiện thanh toán quốc tế; và
- Các dịch vụ ngân hàng khác được NHNNVN cho phép.

Tên viết tắt: VIETABANK

Trụ sở chính: 34A-34B Hàn Thuyên, Phường Phạm Đình Hổ, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

2. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động trong năm của Ngân hàng được trình bày trong các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

3. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất gồm có:

Hội đồng quản trị

Các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và đến ngày lập báo cáo này như sau:

Ông PHƯƠNG HỮU VIỆT	Chủ tịch
Ông PHAN VĂN TỚI	Phó Chủ tịch
Ông PHƯƠNG XUÂN THỤY	Phó Chủ tịch (từ ngày 15/6/2018)
Bà PHƯƠNG THANH NHUNG	Phó Chủ tịch (đến ngày 26/4/2018)
Ông NGÔ TẤN DŨNG	Phó Chủ tịch (đến ngày 26/4/2018)
Ông NGUYỄN VĂN HẢO	Thành viên (từ ngày 26/4/2018)
Ông TRẦN TIẾN DŨNG	Thành viên (từ ngày 26/4/2018)
Bà NGUYỄN THỊ LAN HƯƠNG	Thành viên (từ ngày 26/4/2018)
Ông LÊ ĐẮC CÙ	Thành viên (đến ngày 26/4/2018)

Ban Kiểm soát

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và đến ngày lập báo cáo này như sau:

Bà NGUYỄN KIM PHƯỢNG	Trưởng ban
Bà NGUYỄN THỊ HOAN	Thành viên
Ông PHƯƠNG MINH TUẤN	Thành viên (đến ngày 26/4/2018)
Ông HOÀNG VŨ TÙNG	Thành viên (từ ngày 26/4/2018)

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc và kế toán trưởng trong năm và đến ngày lập báo cáo này như sau:

Ông NGUYỄN VĂN HẢO	Tổng Giám đốc
Ông PHẠM LINH	Phó Tổng Giám đốc
Ông TRẦN TIẾN DŨNG	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 26/6/2018)
Ông PHƯƠNG XUÂN THỤY	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 26/6/2018)
Ông LÃ QUANG TRUNG	Kế toán trưởng

Người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng

Người đại diện theo pháp luật trong năm và đến ngày lập báo cáo này là Ông PHƯƠNG HỮU VIỆT

4. Kiểm toán độc lập

Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học Tp.HCM (AISC) được chỉ định là kiểm toán viên cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

5. Cam kết của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính hợp nhất thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018. Trong việc soạn lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và tuân thủ các vấn đề sau đây:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;

- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;

- Các báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở hoạt động liên tục, trừ trường hợp không thể giả định rằng Ngân hàng sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán thích hợp đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và làm cơ sở để soạn lập các báo cáo tài chính hợp nhất phù hợp với chế độ kế toán được nêu ở Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Ngân hàng và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

6. Xác nhận

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, chúng tôi xác nhận rằng các Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm được soạn thảo đã thể hiện quan điểm trung thực và hợp lý về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của Ngân hàng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Báo cáo tài chính của Ngân hàng được lập phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam và hệ thống kế toán Việt Nam áp dụng cho các tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành.

Tp. Hà Nội, ngày 16 tháng 4 năm 2019

TM. Ban Tổng Giám đốc

NGUYỄN VĂN HẢO

Tổng Giám đốc

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ DỊCH VỤ TIN HỌC TP.HCM
Auditing And Informatic Services Company Limited
Head Office: 389 A Dien Bien Phu Str., Ward 4, Dist.3, Ho Chi Minh City
Tel: (84.28) 3832 9129 (10 Lines) Fax: (84.28) 3834 2957
Email: info@aisc.com.vn Website: www.aisc.com.vn

Số: A0718257-HN/AISC-DN6

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gởi : **Quý vị cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc**

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Á

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Việt Á ("Ngân hàng"), được lập ngày 16 tháng 4 năm 2019, từ trang 05 đến trang 55, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Ngân hàng Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Ngân hàng liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Ngân hàng. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Việt Á tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán của Ngân hàng Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Tp. HCM, ngày 16 tháng 4 năm 2019

TỔNG GIÁM ĐỐC	KIỂM TOÁN VIÊN
Phạm Văn Vinh	**Phạm Thị Thanh Mai**
Số GCNĐKHNKT: 0112-2018-005-1	*Số GCNĐKHNKT: 1044-2018-005-1*
Bộ Tài Chính Việt Nam cấp	*Bộ Tài Chính Việt Nam cấp*

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ DỊCH VỤ TIN HỌC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
A. TÀI SẢN			
I. Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	**V.01**	**318.618.212.910**	**271.566.347.145**
II. Tiền gửi tại ngân hàng nhà nước	**V.02**	**440.947.678.293**	**243.616.552.330**
III. Tiền gửi và cho vay các TCTD khác	**V.03**	**15.267.644.813.949**	**12.353.454.916.824**
1. Tiền gửi tại các TCTD khác		15.267.644.813.949	11.353.454.916.824
2. Cho vay các TCTD khác		-	1.000.000.000.000
3. Dự phòng rủi ro		-	-
IV. Chứng khoán kinh doanh		**-**	**-**
1. Chứng khoán kinh doanh		-	-
2. Dự phòng rủi ro chứng khoán kinh doanh		-	-
V. Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác		**883.750.000**	**1.561.550.000**
VI. Cho vay khách hàng		**37.522.475.137.691**	**33.898.537.148.139**
1. Cho vay khách hàng	**V.4.1**	37.916.118.452.171	34.226.235.570.361
2. Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	**V.4.2**	(393.643.314.480)	(327.698.422.222)
VII. Hoạt động mua nợ	**V.05**	**1.518.946.560**	**1.900.946.560**
1. Mua nợ		1.518.946.560	1.900.946.560
2. Dự phòng rủi ro hoạt động mua nợ		-	-
VIII. Chứng khoán đầu tư	**V.06**	**12.095.661.282.116**	**12.521.682.278.812**
1. Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán		8.455.196.627.744	9.987.502.744.571
2. Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn		4.287.647.188.025	3.068.937.094.700
3. Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư		(647.182.533.653)	(534.757.560.459)
IX. Góp vốn, đầu tư dài hạn	**V.07**	**313.373.630.000**	**313.373.630.000**
1. Đầu tư vào công ty con		-	-
2. Vốn góp liên doanh		-	-
3. Đầu tư vào công ty liên kết		-	-
4. Đầu tư dài hạn khác		313.373.630.000	313.373.630.000
5. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 *Đơn vị tính: Đồng Việt Nam*

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
X. Tài sản cố định		**195.390.392.874**	**216.895.851.497**
1. Tài sản cố định hữu hình	V.8	80.794.186.991	96.480.384.720
a. Nguyên giá TSCĐ		*292.199.054.004*	*295.531.486.002*
b. Hao mòn TSCĐ		*(211.404.867.013)*	*(199.051.101.282)*
2. Tài sản cố định thuê tài chính		-	-
a. Nguyên giá TSCĐ		-	-
b. Hao mòn TSCĐ		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	V.9	114.596.205.883	120.415.466.777
a. Nguyên giá TSCĐ		*212.717.049.940*	*212.717.049.940*
b. Hao mòn TSCĐ		*(98.120.844.057)*	*(92.301.583.163)*
XI. Bất động sản đầu tư		-	-
a. Nguyên giá bất động sản đầu tư		-	-
b. Hao mòn bất động sản đầu tư		-	-
XII. Tài sản Có khác	**V.10**	**5.134.801.875.476**	**4.611.571.120.505**
1. Các khoản phải thu		1.453.910.813.032	1.334.734.663.075
2. Các khoản lãi, phí phải thu		2.454.018.413.535	2.890.789.678.106
3. Tài sản thuế TNDN hoãn lại		-	-
4. Tài sản Có khác		1.228.412.648.909	483.451.505.065
- Trong đó: Lợi thế thương mại		-	-
5. Các khoản dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác		(1.540.000.000)	(97.404.725.741)
TỔNG TÀI SẢN CÓ		**71.291.315.719.869**	**64.434.160.341.812**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
B. NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU			
I. Các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước	**V.11**	**10.171.722.067**	**-**
II. Tiền gửi và vay các TCTD khác	**V.12**	**22.714.461.659.651**	**22.770.280.624.565**
1. Tiền gửi của các TCTD khác		16.100.806.728.273	13.654.988.390.756
2. Vay các TCTD khác		6.613.654.931.378	9.115.292.233.809
III. Tiền gửi của khách hàng	**V.13**	**41.367.098.156.574**	**34.402.402.943.369**
IV. Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác		-	-
V. Vốn tài trợ, Ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	**V.14**	**14.258.508.000**	**24.852.998.000**
VI. Phát hành giấy tờ có giá	**V.15**	**1.682.143.421.968**	**2.163.574.657.610**
VII. Các khoản nợ khác	**V.16**	**1.268.313.342.289**	**956.595.858.997**
1. Các khoản lãi, phí phải trả		1.010.318.361.845	855.113.198.660
2. Thuế TNDN hoãn lại phải trả		-	-
3. Các khoản phải trả và công nợ khác		257.994.980.444	101.482.660.337
4. Dự phòng rủi ro khác (Dự phòng cho công nợ tiềm ẩn)		-	-
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ		**67.056.446.810.549**	**60.317.707.082.541**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
VIII. Vốn chủ sở hữu	**V.17**	**4.234.868.909.320**	**4.116.453.259.271**
1. Vốn của TCTD		3.500.102.540.351	3.500.102.540.351
a. Vốn điều lệ		*3.499.990.470.000*	*3.499.990.470.000*
b. Vốn đầu tư XDCB, mua sắm tài sản cố định		-	-
c. Thặng dư vốn cổ phần		*98.600.000*	*98.600.000*
d. Cổ phiếu quỹ		-	-
e. Cổ phiếu ưu đãi		-	-
f. Vốn khác		*13.470.351*	*13.470.351*
2. Quỹ của TCTD		195.942.439.682	178.180.092.175
3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	-
4. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		-	-
5. Lợi nhuận chưa phân phối/Lỗ lũy kế		538.823.929.287	438.170.626.745
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		**71.291.315.719.869**	**64.434.160.341.812**

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
1. Bảo lãnh vay vốn		-	-
2. Cam kết giao dịch hối đoái	VIII.33	2.713.815.000.000	4.081.350.000.000
2.1 Cam kết mua ngoại tệ		*162.365.000.000*	-
2.2 Cam kết bán ngoại tệ		-	-
2.3 Cam kết giao dịch hoán đổi		*2.551.450.000.000*	*4.081.350.000.000*
2.4 Cam kết giao dịch tương lai		-	-
3. Cam kết cho vay không hủy ngang		-	-
4. Cam kết trong nghiệp vụ L/C	VIII.33	29.437.822.914	21.036.457.455
5. Bảo lãnh khác	VIII.33	550.276.757.476	218.895.113.140
6. Các cam kết khác		-	-

Tp. Hà Nội, ngày 16 tháng 4 năm 2019

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
NGUYỄN HỮU CƯỜNG	LÃ QUANG TRUNG	NGUYỄN VĂN HẢO

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN VIỆT Á

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
1. Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	VI.18	4.244.311.073.392	4.130.321.144.978
2. Chi phí lãi và các chi phí tương tự	VI.19	3.134.387.962.456	2.986.215.394.763
I. Thu nhập lãi thuần		**1.109.923.110.936**	**1.144.105.750.215**
3. Thu nhập từ hoạt động dịch vụ		15.379.982.197	12.180.813.803
4. Chi phí hoạt động dịch vụ		22.858.834.639	19.181.086.473
II. Lãi/lỗ thuần từ hoạt động dịch vụ	**VI.20**	**(7.478.852.442)**	**(7.000.272.670)**
III. Lãi/lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	**VI.21**	**(978.600.810)**	**(42.857.915.296)**
IV. Lãi/lỗ thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	**VI.22**	**2.856.913.757**	**(82.522.834.271)**
V. Lãi/lỗ thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	**VI.23**	**1.650.194.010**	**35.866.441.053**
5. Thu nhập từ hoạt động khác		73.991.388.358	22.419.251.775
6. Chi phí hoạt động khác		2.079.768.665	95.674.211.987
VI. Lãi/lỗ thuần từ hoạt động khác	**VI.24**	**71.911.619.693**	**(73.254.960.212)**
VII. Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	**VI.25**	**1.412.328.500**	**14.319.981.560**
VIII. Chi phí hoạt động	**VI.26**	**564.180.912.736**	**558.703.451.758**
IX. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng		**615.115.800.908**	**429.952.738.621**
X.1 Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	**VI.27**	464.588.074.298	308.121.692.935
XI. Tổng lợi nhuận trước thuế		**150.527.726.610**	**121.831.045.686**
7. Chi phí thuế TNDN hiện hành		32.112.076.561	23.029.273.534
8. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		-	-
XII. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp	**VI.28**	**32.112.076.561**	**23.029.273.534**
XIII. Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp		**118.415.650.049**	**98.801.772.152**
XIV. Lợi ích của cổ đông thiểu số		-	-
XV. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**V.17.2**	**338**	**282**

Tp. Hà Nội, ngày 16 tháng 4 năm 2019

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
NGUYỄN HỮU CƯỜNG	LÃ QUANG TRUNG	NGUYỄN VĂN HẢO

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN VIỆT Á

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01. Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được		4.681.082.337.963	4.044.640.334.148
02. Chi phí lãi và các khoản thu nhập tương tự đã trả		(2.979.182.799.271)	(2.871.294.825.603)
03.Thu nhập từ hoạt động dịch vụ nhận được		(7.478.852.442)	(7.000.272.670)
04.Chênh lệch số tiền thực thu/ thực chi từ hoạt động kinh doanh (ngoại tệ, vàng bạc, chứng khoán)		3.528.506.957	(89.514.308.514)
05. Thu nhập khác		(327.363.380.529)	(463.748.962.064)
06. Tiền thu các khoản nợ đã được xử lý hoá, bù đắp bằng nguồn rủi ro		-	-
07. Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý, công vụ		(535.256.999.248)	(521.792.194.903)
08. Tiền thuế thu nhập thực nộp trong kỳ		(45.825.426.973)	(6.480.163.768)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi về tài sản và vốn lưu động		**789.503.386.457**	**84.809.606.626**
Những thay đổi về tài sản hoạt động			
09. (Tăng)/Giảm các khoản tiền và cho vay các TCTD khác		900.000.000.000	(711.933.000.000)
10. (Tăng)/Giảm các khoản về kinh doanh chứng khoán		426.020.996.696	2.664.057.932.366
11. (Tăng)/Giảm các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác		677.800.000	(1.561.550.000)
12. (Tăng)/Giảm các khoản cho vay khách hàng		(3.689.500.881.810)	(3.809.495.975.499)
13. Giảm nguồn dự phòng để bù đắp tổn thất các khoản		-	-
14. (Tăng)/Giảm khác về tài sản hoạt động		(1.101.491.029.510)	286.766.139.474

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 *Đơn vị tính: Đồng Việt Nam*

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
Những thay đổi về công nợ hoạt động			
15. Tăng/(Giảm) các khoản nợ chính phủ và NHNN		10.171.722.067	-
16. Tăng/(Giảm) các khoản tiền gửi và vay các TCTD		(55.818.964.914)	(1.056.998.316.332)
17. Tăng/(Giảm) tiền gửi của khách hàng (bao gồm cả Kho bạc Nhà nước)		6.964.695.213.205	2.212.686.944.240
18. Tăng/(Giảm) phát hành giấy tờ có giá (ngoại trừ GTCG được tính vào hoạt động tài chính)		(481.431.235.642)	1.488.225.254.167
19. Tăng/(Giảm) vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay mà TCTD chịu rủi ro		(10.594.490.000)	(18.620.182.000)
20. Tăng/(Giảm) các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác		-	-
21. Tăng/(Giảm) khác về công nợ hoạt động		311.717.483.292	244.872.685.206
22. Chi từ các quỹ của tổ chức tín dụng			-
I. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		**4.063.949.999.841**	**1.382.809.538.248**
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
01. Mua sắm TSCĐ		(7.421.257.670)	(8.790.693.659)
02. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ		631.818.182	-
03. Tiền chi từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ		-	-
04. Mua sắm bất động sản đầu tư		-	-
05. Tiền thu từ bán, thanh lý bất động sản đầu tư		-	-
06. Tiền chi ra do bán, thanh lý bất động sản đầu tư		-	-
07. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác		-	(65.940.000.000)
08. Tiền thu đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác		-	-
09. Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư, góp vốn dài hạn		1.412.328.500	14.319.981.560
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư		**(5.377.110.988)**	**(60.410.712.099)**

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
01. Tăng vốn cổ phần từ góp vốn và/hoặc phát hành cổ phiếu		-	-
02. Tiền thu từ phát hành giấy tờ có giá dài hạn đủ điều kiện tính vào vốn tự có và các khoản vốn vay dài hạn khác		-	-
03. Tiền chi thanh toán giấy tờ có giá dài hạn đủ điều kiện tính vào vốn tự có và các khoản vốn vay dài hạn khác		-	-
04. Cổ tức trả cho cổ đông, lợi nhuận đã chia		-	
05. Tiền chi ra mua cổ phiếu quỹ		-	-
06. Tiền thu được do bán cổ phiếu quỹ		-	-
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính		-	-
IV. Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		**4.058.572.888.853**	**1.322.398.826.149**
V. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm		**11.868.637.816.299**	**10.546.238.990.150**
VI. Điều chỉnh của ảnh hưởng thay đổi tỷ giá		-	-
VII. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	VII.29	**15.927.210.705.152**	**11.868.637.816.299**

Tp. Hà Nội, ngày 16 tháng 4 năm 2019

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
NGUYỄN HỮU CƯỜNG	LÃ QUANG TRUNG	NGUYỄN VĂN HẢO

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN VIỆT Á